

Bản án số: 19/2021/DS-ST

Ngày: 16-9-2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Vân

Ông Nguyễn Hữu Thiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thái Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2021/TLST- DS 24-5-2021 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-DS ngày 16-8-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2021/QĐST-DS ngày 31-8-2021, giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

- Ông Phùng Văn H, sinh năm 1970. Có mặt

-Bà Nguyễn Thị H1 (Nguyễn Thị Hương H1), sinh năm 1974. Vắng mặt (Bà H1 ủy quyền cho ông Phùng Văn H tham gia tố tụng).

Cùng địa chỉ: Tổ 8, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

2. Đồng bị đơn:

- Ông Hoàng Trọng P, sinh năm 1963. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 8, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

- Bà Hà Thị L, sinh năm 1973. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 1, phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đồng nguyên đơn ông Phùng Văn H và bà Nguyễn Thị H1 (Nguyễn Thị Hương H1) thống nhất trình bày:

Ngày 31-12-2019 tại nhà riêng của gia đình, ông H và Bà H1 có cho ông Hoàng Trọng P và vợ là bà Hà Thị L vay số tiền là 1.000.000.000 đồng. Việc cho vay tiền có lập thành giấy vay tiền, có chữ ký và họ tên của ông Hoàng Trọng P

và bà Hà Thị L, ông H là người đại diện bên cho vay tiền ký tên trong giấy vay tiền. Nội dung trong giấy vay tiền các bên không có thỏa thuận về tiền lãi và hạn thời gian trả tiền là ngày 15-01-2020. Cùng ngày tại ngân hàng Techcombank chi nhánh Yên Bái, ông H đã chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của bà Hà Thị L. Đến thời hạn trả nợ, ông P và bà L đề nghị được trả tiền lãi hàng tháng để gia hạn thời gian trả tiền nợ gốc, vợ chồng ông bà đã đồng ý. Ông P, bà L đã trả tiền lãi được 06 tháng với lãi xuất là 20%/1 năm (từ tháng 1-2020 đến tháng 6-2020) với tổng số tiền lãi là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên từ tháng 7-2020, ông P, bà L không còn trả tiền lãi và cũng không trả tiền gốc nữa. Ông H và Bà H1 đã nhiều lần yêu cầu ông P, bà L trả tiền nhưng ông P, bà L không thực hiện. Do đó, ông H và Bà H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Hoàng Trọng P và bà Hà Thị L phải trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 220.000.000 đồng (tạm tính từ tháng 6-2020 đến tháng 5-2021 với lãi suất là 2%/1 tháng). Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ông H, Bà H1 sửa đổi yêu cầu về tính tiền lãi: Ông H, Bà H1 yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 1-7-2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm với lãi suất là 10%/1 năm.

Tại phiên tòa, ông Phùng Văn H chỉ yêu cầu Tòa án tính tiền lãi của số tiền nợ gốc là từ ngày 01-7-2020 đến 01-9-2021 (14 tháng) là 116.620.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn là ông Hoàng Trọng P và bà Hà Thị L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm soát tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tiến hành xét xử vụ án đúng trình tự tố tụng, đảm bảo đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của các đương sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn H và bà Nguyễn Thị H1 (Nguyễn Thị Hương H1).

Buộc ông Hoàng Trọng P và bà Hà Thị L phải trả cho ông Phùng Văn H và bà Nguyễn Thị H1 (Nguyễn Thị Hương H1) tổng số tiền là: 1.116.620.000 đồng (Một tỷ một trăm mười sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó:

Tiền nợ gốc là: 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*)

Tiền nợ lãi là: 116.620.000 đồng (*Một trăm mười sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*).

+ Về án phí: Buộc các bị đơn phải chịu tiền án phí DSST theo quy định.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Nơi thực hợp đồng được thực hiện và nơi cư trú của một trong các bị đơn tại phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g, h khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, ông Hoàng Trọng P và bà Hà Thị L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông P và bà L.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về yêu cầu trả tiền nợ gốc:* Ngày 31-12-2019, ông Hoàng Trọng P và bà Hà Thị L có vay của ông Phùng Văn H, bà Nguyễn Thị H1 (Nguyễn Thị Hương H1) số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), các bên lập giấy vay tiền và thỏa thuận thời hạn trả tiền là ngày 15-01-2020. Ông H đã chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng cho bà L, ông P nên xác định các bên đã xác lập quan hệ pháp luật về vay tài sản. Xét thấy giấy vay tiền ngày 31-12-2019 là một hình thức của hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi. Các bên tham gia giao kết hợp đồng đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp và đảm bảo về mặt hình thức nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Việc ông P và bà L đến hạn không trả số tiền đã vay khi có yêu cầu trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, ông H, Bà H1 khởi kiện yêu cầu ông P, bà L phải trả số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.2] *Về yêu cầu trả tiền lãi:* Từ tháng 01-2020 đến tháng 6-2020, ông P và bà L đã trả cho ông H, Bà H1 tổng số tiền lãi 06 tháng là 100.000.000 đồng với lãi suất 20%/năm là sự tự thỏa thuận của các đương sự và phù hợp với quy định

tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Từ ngày 01-7-2020, ông P, bà L không trả tiền nợ lãi, tiền nợ gốc là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên được xác định là ngày bắt đầu tính thời điểm chậm trả. Do đó, ông H, Bà H1 yêu cầu tính tiền lãi của số tiền nợ gốc từ ngày 01-7-2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm với lãi suất là 10%/1 năm (tức 0,833%/tháng) là có căn cứ, mức lãi suất ông H, Bà H1 yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông H chỉ yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01-7-2020 đến ngày 01-9-2021 (là 14 tháng), ông H không yêu cầu tính tiền lãi của nợ gốc từ ngày 02-9-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 16-9-2021 là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Do đó cần buộc các bị đơn phải thanh toán số tiền nợ lãi là: 1.000.000.000 đồng x 14 tháng x 0,833% = 116.620.000 đồng (*Một trăm mười sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*).

Tổng số tiền các bị đơn phải thanh toán là: 1.000.000.000 đồng + 116.620.000 đồng = 1.116.620.000 đồng (*Một tỷ một trăm mười sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*).

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được chấp nhận nên ông H, Bà H1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông P, bà L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 36.000.000 đồng + 3% (316.620.000 đồng) = 45.498.600 đồng.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] *Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.*
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn H và bà Nguyễn Thị H1 (Nguyễn Thị Hương H1).

Buộc ông Hoàng Trọng P và bà Hà Thị L phải trả cho ông Phùng Văn H và bà Nguyễn Thị H1 (Nguyễn Thị Hương H1) tổng số tiền là: 1.116.620.000 đồng (*Một tỷ một trăm mười sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*), trong đó:

Tiền nợ gốc là: 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*)

Tiền nợ lãi là: 116.620.000 đồng (*Một trăm mười sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa khi thi hành án xong, còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Ông Phùng Văn H và bà Nguyễn Thị H1 (Nguyễn Thị Hương H1) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông H và Bà H1 được trả lại 24.300.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2017/0009043 ngày 24-5-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái.

Ông Hoàng Trọng P và bà Hà Thị L phải chịu 45.498.600 đồng (*Bốn mươi năm triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái ;
- VKSND tp.Yên Bái;
- THADS tp. Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thao